



PHỤ LỤC II: DANH SÁCH SINH VIÊN QUÁ HẠN ĐÀO TẠO ĐỀ NGHỊ XEM XÉT ĐKMH HỌC KỲ PHỤ

(Kèm theo Biên bản số 1006/BB-ĐHĐL ngày 21 tháng 6 năm 2022)

Đối tượng gồm đại học Đ10 chính quy, đại học LT & VB2 D13, cao đẳng C16 có số môn điểm F không lớp hơn 10

(Ghi chú: phải nộp đơn xin gia hạn và ĐKMH cho Phòng CTSV trước 27/6/2022)

STT	MaSinhVien	HoDem	Ten	NgaySinh2	TenLop	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.202 2	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
1	1581660069	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	16/10/1997	D10CNCTTBD	2.25	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
2	1581660070	NGUYỄN VĂN	TUẤN	08/03/1996	D10CNCTTBD	2.28	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
3	1581620055	NGUYỄN VĂN	TUẤN	08/09/1997	D10CODT	2.27	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
4	1581660016	ĐỖ VĂN	ĐÀO	25/07/1997	D10CNCTTBD	2.35	4	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
5	1581940001	NGUYỄN PHƯƠNG	BÁU	30/11/1997	D10DIENLANH	2.59	1	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
6	1581940029	NGÔ VĂN	NGHIÊM	05/12/1997	D10DIENLANH	2.24	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
7	1581960012	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	24/08/1997	D10NLTT	2.53	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
8	1581950005	ĐẶNG THANH	BÌNH	20/12/1995	D10QLMTCN	2.02	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
9	1581960014	VŨ VĂN	DUY	29/09/1997	D10NLTT	2.09	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
10	1581940015	NGUYỄN HUY	HOÀNG	08/06/1996	D10DIENLANH	2.09	3	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
11	1581940033	LÊ NGỌC	QUYỀN	18/08/1995	D10DIENLANH	2.28	4	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
12	1581330019	ĐỖ QUANG	HUY	20/07/1996	D10TMDT	2.42	3	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
13	1581330034	NGUYỄN VĂN	THÙY	14/03/1996	D10TMDT	2.56	3	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
14	1581310011	NGUYỄN DUY	CUỒNG	11/12/1997	D10CNPM	2.55	4	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
15	1581310029	NGUYỄN CHÍ	LINH	02/12/1996	D10CNPM	2.74	6	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
16	1581330003	ĐỖ VĂN	ĐẠT	17/11/1996	D10TMDT	2.63	6	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
17	1581510007	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	21/11/1997	CLC.D10DTVT	2.22	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
18	1581520030	LƯU XUÂN	TRƯỜNG	20/08/1997	D10KTD	2.28	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
19	1481510169	HOÀNG ANH	TÚ	26/08/1996	D10DTVT2	2.64	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10

STT	MaSinhVien	HoDem	Ten	NgaySinh2	TenLop	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.202 2	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
20	1581510201	CAO THANH	BÌNH	26/08/1997	D10DTVT2	1.92	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
21	1581510240	PHAN ANH	THIỆU	03/05/1997	D10DTVT2	1.98	2	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
22	1581510021	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	17/01/1997	CLC.D10DTVT	2.39	6	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
23	1581410024	LÊ PHÚ	MẠNH	09/07/1997	CLC.D10CNTD	2.06	1	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
24	1581410029	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	10/03/1997	CLC.D10CNTD	2.69	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
25	1581410143	TRẦN MẠNH	THẮNG	20/08/1996	D10CNTD1	2.19	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
26	1581410230	VŨ NGỌC	NGUYỄN	30/05/1997	D10CNTD2	2.21	5	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
27	1581910023	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	21/11/1997	D10TDH&DKTE	2.5	8	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
28	1581820116	NGUYỄN TÂN	GIANG	04/11/1997	CLC.D10TCDN	2.78	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
29	1581820125	PHAN VĂN	HIỂN	13/05/1996	D10TCDN	2.5	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
30	1581820133	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	17/09/1997	D10TCDN	2.02	1	5	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
31	1581820150	LÊ THỊ HỒNG	PHÚC	19/09/1997	D10TCDN	2.48	1	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
32	1581820008	PHẠM PHƯƠNG	HOA	22/10/1997	CLC.D10TCDN	2.59	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
33	1581720040	NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	16/11/1997	D10QTDLKS	2.49	2	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
34	1581830031	LÊ THỊ DIỆU	LOAN	05/07/1997	D10KTTC&KS	2.65	7	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
35	1581720014	NGUYỄN KHẮC	DŨNG	05/02/1996	D10QTDLKS	2.12	8	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
36	1581810210	ĐỖ THỊ ÁNH	DƯƠNG	21/09/1997	D10KTDN2	2.45	9	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
37	1581820105	PHẠM PHƯƠNG	ANH	22/03/1997	D10TCDN	2.22	10	4	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
38	1581640039	HOÀNG MINH	THẮNG	23/09/1997	CLC.D10H2	1.99	0	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
39	1581420028	LÊ THỊ NGỌC	LINH	09/09/1997	CLC.D10DCN	2.77	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
40	1581420031	VŨ DUY	LONG	03/08/1997	CLC.D10DCN	2.1	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
41	1581710153	TRẦN QUỐC	ANH	09/06/1997	CLC.D10H2	2.42	1	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
42	1581110311	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	25/10/1997	D10H3	2.39	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
43	1581420116	NGUYỄN NGỌC	DƯƠNG	06/07/1997	D10DCN&DD1	2.19	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10

STT	MaSinhVien	Tên	NgàySinh	TênLop	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.202 2	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
44	1581110232	PHẠM VĂN	QUỐC	D10H2	2.45	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
45	1581420121	NGUYỄN VĂN	HẢI	D10DCN&DD1	2.23	3	2	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
46	1581110351	NGUYỄN KHẮC	TÙNG	D10H3	1.88	4	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
47	1581960002	LÊ TUẤN	ANH	D10DCN&DD1	2.13	5	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
48	1581110008	LÊ MẠNH	ĐẠT	CLC.D10H1	2.09	6	3	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
49	1581960020	TRỊNH VIỆT	HÙNG	CLC.D10H2	2.27	6	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
50	1481210043	VÕ MINH	ĐỨC	D10QLNL	1.99	0	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
51	1581210032	HOÀNG ANH	TUẤN	CLC.D10QLNL	1.79	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
52	1581210024	LƯU QUANG	LỰC	CLC.D10QLNL	1.89	2	2	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
53	1581210022	ĐẶNG MINH	KHOA	CLC.D10QLNL	1.76	7	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
54	1581640047	TRẦN ĐÌNH	TRUNG	D10QLDA&CTD	1.84	0	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
55	1581630001	VÕ HOÀNG	ANH	D10XDCTD	1.99	0	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
56	1581650005	HOÀNG GIA	BẢO	D10XDDD&CN	1.91	0	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
57	1581640008	KHUẤT NAM	HẢI	D10QLDA&CTD	1.91	1	1	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
58	1581650002	NGUYỄN TÚ	ANH	D10XDDD&CN	2.23	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
59	1581650011	TRẦN VĂN	CƯỜNG	D10XDDD&CN	2.43	1	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
60	1581640014	PHẠM MINH	HIẾU	D10QLDA&CTD	2.08	2	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
61	1581650028	HOÀNG BÙI	SƠN	D10XDDD&CN	2.53	8	0	0	Gia hạn ĐT	D10, số môn F <=10
62	1581610007	NGUYỄN VĂN	ĐA	D10CNCTM	2.17	1	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
63	1581620008	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	D10CODT	2.43	1	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
64	1581620035	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	D10CODT	2.28	1	2	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
65	1581610005	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	D10CNCTM	2.14	1	5	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
66	1581620023	LƯU THỂ	HUY	D10CODT	1.89	10	5	7	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
67	1582710038	HOÀNG HẢI	SƠN	D10DIENHN	2	1	1	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212

STT	MaSinhVien	HoDem	Ten	NgaySinh2	TenLop	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.202 2	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
68	1581960019	BÙI TRẦN	HÙNG	21/12/1997	D10NLTT	2.12	1	2	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
69	1582710037	NGUYỄN VĂN	SĨ	18/04/1996	D10DIENHN	2.29	2	1	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
70	1582710007	THÂN ĐỨC	ĐẠT	07/02/1997	D10DIENHN	2.42	8	4	8	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
71	1581950007	CHU QUỐC	ĐẠT	29/09/1994	D10QLMTCN	2.17	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
72	1581320026	VŨ THÀNH	NAM	15/01/1997	D10QTANM	2.54	1	2	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
73	1581320001	BÙI HOÀNG	ANH	13/10/1995	D10QTANM	2.45	1	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
74	1581330026	ĐẶNG HOÀNG	QUÂN	01/08/1997	D10TMDT	2.37	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
75	1581510013	HÀ VĂN	HÙNG	16/01/1996	CLC.D10DTVT	1.97	2	2	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
76	1581510010	NGUYỄN MẠNH	HẢI	01/03/1997	CLC.D10DTVT	2.29	3	7	2	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
77	1581530028	TRẦN	LÂN	05/08/1994	D10TBDTYT	2.28	7	6	6	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
78	1581530045	BÙI TIẾN	THÁI	26/12/1997	D10TBDTYT	2.16	8	9	8	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
79	1581410247	ĐÀM QUỐC	TUẤN	04/07/1997	D10CNTD2	2.36	3	6	5	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
80	1581410337	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	27/08/1997	D10TDH&DKTE	2.46	7	0	7	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
81	1581410012	PHẠM NAM	HẢI	26/06/1997	CLC.D10CNTD	2.22	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
82	1581810142	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	03/06/1997	D10KTDN1	2.56	1	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
83	1581820019	NGUYỄN HOÀNG T	NGUYỄN	04/09/1997	CLC.D10TCDN	2.64	3	6	2	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
84	1581110012	VŨ HỒNG	ĐÔNG	08/09/1997	CLC.D10H1	2.01	1	1	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
85	1581420210	LA MINH	ĐẠI	20/11/1996	D10DCN&DD2	2.11	1	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
86	1581420009	NGUYỄN THẾ	ĐỨC	05/08/1997	CLC.D10DCN	2.13	1	4	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
87	1581110310	TRẦN VĂN	ĐẠI	08/06/1997	D10H3	1.98	7	0	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
88	1581110011	HOÀNG MINH	ĐÔ	14/10/1997	CLC.D10H1	2.24	9	0	6	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
89	1581410150	PHẠM HẢI	TÙNG	29/03/1997	D10DCN&DD1	2.16	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
90	1581210021	NGUYỄN CÔNG	KHÁNH	12/05/1997	CLC.D10QLNL	2.2	6	3	5	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
91	1581210017	NGUYỄN GIA	HIỀN	15/04/1997	CLC.D10QLNL	1.81	7	3	6	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212

STT	Ma Sinh Viên	Tên	Ngày Sinh	Tên Lớp	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.2022	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
92	1581640043	PHẠM NGỌC THẢO	15/12/1996	D10QLDA&CTD	2.01	2	1	1	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
93	1581650019	NGUYỄN VĂN HIỀN	08/09/1996	D10XDDD&CN	1.82	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
94	1581650023	TRỊNH VĂN KHÁNH	21/07/1997	D10XDDD&CN	2.19	10	0	0	Không ra hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
95	18710510011	NGUYỄN QUANG KHẢI	04/06/1996	D13LTDTVT2	2.36	5	1	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
96	18710430001	HOÀNG VĂN NINH	15/01/1991	D13LTDDH&DK	2.82	1	1	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
97	18710430006	LƯU MẠNH CƯỜNG	01/08/1996	D13LTDDH&DK	2.47	4	3	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
98	18710810001	VƯƠNG VĂN ANH	12/05/1996	D13LTCTDN2	2.92	1	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
99	18710110055	BÙI ĐỨC MẠNH	13/08/1994	D13LTH1	2.13	1	0	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
100	18710110078	HÀ VĂN LÂU	22/06/1990	D13LTH1	2.37	1	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
101	18710110080	ĐẶNG PHÚC VƯƠNG	23/02/1997	D13LTH2	1.95	1	1	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
102	18710110095	NGUYỄN TUẤN NAM	04/04/1995	D13LTH2	2.19	1	1	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
103	18710420051	DƯƠNG PHÚC HOÀN	21/12/1997	D13LTDCN&DD	2	2	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
104	18710420023	NGUYỄN HỮU THẮNG	26/11/1996	D13LTDCN&DD	2.54	2	0	2	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
105	18710110036	VƯƠNG GIA KHÁNH	22/10/1995	D13LTH1	2.16	2	6	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
106	18710110075	TRẦN ĐỨC ANH	11/02/1987	D13LTH1	2.13	2	0	2	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
107	18710110015	NGUYỄN THỊ LINH	17/11/1996	D13LTH1	2.03	3	2	1	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
108	18710110091	NGUYỄN DUY HỒNG	15/07/1981	D13LTH2	2.11	3	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
109	18710110048	NGUYỄN ĐỨC SÂM	21/10/1997	D13LTH1	1.74	4	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
110	18710110012	HOÀNG ĐĂNG KHOA	14/06/1996	D13LTH2	2.16	4	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
111	18710110058	NGUYỄN KHẢ TÍNH	30/05/1995	D13LTH1	1.99	6	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
112	18710110033	TÀO MINH TIỀN	28/03/1997	D13LTH1	1.98	9	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
113	18830110004	TÔ MINH CƯỜNG	21/11/1991	D13V2H1	2.15	9	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
114	18830110014	VŨ TRUNG HIẾU	07/03/1988	D13V2H2	1.93	9	0	0	Gia hạn ĐT	D13LT, số môn F ≤10
115	1751020012	NGUYỄN TRUNG KIÊN	11/05/1999	C16CNTT	2.64	4	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22

STT	MaSinhVien	HoDem	Ten	NgaySinh2	TenLop	TBC Toàn khóa	Số môn nợ đến 15.6.202 2	Số môn ĐK 121	Số môn ĐK 122	Đề xuất của phòng ĐT	Lí do Phòng ĐT đề xuất
116	1751020007	TRƯƠNG HỒNG	HẢI	23/02/1999	C16CNTT	2.31	6	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
117	1751020004	NGUYỄN ĐỨC	CHIẾN	17/07/1998	C16CNTT	2.79	10	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
118	1751430045	NGUYỄN VĂN	TÚ	06/12/1999	C16DK&TDH	2.4	1	1	0	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
119	1751430024	NGUYỄN THANH	LONG	04/02/1999	C16DK&TDH	2.52	1	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
120	1751430031	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	13/04/1999	C16DK&TDH	2.58	1	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
121	1751430038	NGUYỄN TRẦN	TIẾN	10/08/1994	C16DK&TDH	2.2	3	3	0	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
122	1751430037	LÊ XUÂN	THỨC	07/02/1994	C16DK&TDH	2.77	3	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
123	1751430023	NGUYỄN HOÀNG	LAN	31/12/1999	C16DK&TDH	2.64	4	0	3	Gia hạn ĐT	Đang học các môn học lại kỳ 212
124	1751430004	NGUYỄN MẠNH	BÌNH	05/10/1999	C16DK&TDH	2.39	10	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
125	1751810013	VŨ THU	PHƯƠNG	24/10/1999	C16KTDN	2.41	1	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
126	1751810005	BÙI THỊ MỸ	HẠNH	17/02/1999	C16KTDN	2.35	10	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
127	1751110063	TRẦN NGUYỄN LIN	ANH	27/08/1994	C16VHT&MD	2.44	1	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
128	1751110079	BÙI THỌ	ĐỨC	10/02/1999	C16VHT&MD	2.55	3	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
129	1751110120	NHÂM MINH	HIỀN	28/06/1999	C16VHT&MD	2.55	4	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22
130	1751110064	TRẦN TUẤN	ANH	01/02/1999	C16VHT&MD	2.14	6	0	0	Không gia hạn ĐT	Không ĐKMH trong năm học 21-22

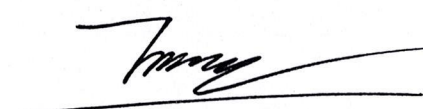
Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022

Phòng Đào tạo



Nguyễn Thị Phương Dung

Phòng Công tác sinh viên



Nguyễn Đăng Toàn

Người lập biểu



Nguyễn Trung Hiếu